

Bản án số: 165/2024/DS-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hà Như Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Tuyết
- Ông Lê Hữu Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân - là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2023/DSST ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P, sinh năm 1974, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Hàng Tố N, sinh năm 1990, địa chỉ liên hệ: Lầu 8, tòa nhà A, đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Việt S, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Đường H, Phường A (nay là Phường A), Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Đường P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần A và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04 tháng 10 năm 2007, Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng A) và ông Đoàn Việt S có ký Hợp đồng tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007 với nội dung Ngân hàng A đồng ý cho ông S vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền đến ngày 04 tháng 10 năm 2010, mục đích vay là để học tập, tiêu dùng, kinh doanh cá thể. Hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số tiền phạt của một kỳ trễ hạn là 200.000 đồng. Số tiền vay 60.000.000 đồng được Ngân hàng A giải ngân một lần ngay sau khi ký hợp đồng tín dụng bằng cách chuyển khoản vào tài khoản số 30675729 của ông Đoàn Việt S mở tại Ngân hàng A.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, tính đến ngày 13 tháng 12 năm 2007, ông Đoàn Việt S đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền tổng cộng là 4.614.000 đồng, trong đó vốn gốc là 3.334.000 đồng, lãi trong hạn là 1.080.000 đồng, tiền phạt trễ hạn là 200.000 đồng; sau đó, ông S ngừng trả nợ cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 3 của Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng A (đính kèm theo Hợp đồng tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007 ngày 04 tháng 10 năm 2007) thì Ngân hàng A có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với tất cả các khoản vay chưa thanh toán của bên được cấp tín dụng trong trường hợp bên được cấp tín dụng vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với Ngân hàng A. Vì thế, ngày 24 tháng 3 năm 2008, Ngân hàng A đã có Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ còn thiếu của ông S. Ngày 03 tháng 4 năm 2008, Ngân hàng A chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2024 ông Đoàn Việt S còn nợ Ngân hàng A số tiền tổng cộng là 208.165.401 đồng, trong đó: vốn gốc là 56.666.000 đồng, lãi trong hạn là 2.160.000 đồng, lãi quá hạn là 148.739.401 đồng, tiền phạt trễ hạn là 600.000 đồng. Tiền lãi, phạt được xác định theo cách sau:

+ Lãi trong hạn: Áp dụng mức lãi suất 0,9%/tháng (tức 10,8%/năm) từ ngày 04 tháng 10 năm 2007 đến trước ngày 03 tháng 4 năm 2008 (ngày chuyển nợ quá hạn), số tiền là 2.160.000 đồng.

+ Lãi quá hạn: Áp dụng mức lãi suất bằng 0,9%/tháng x 150%=1,35%/tháng (16,2%/năm), từ ngày 03 tháng năm 2008 đến nay (12 tháng 6 năm 2024), số tiền là 148.739.401 đồng.

+ Tiền phạt trễ hạn: Theo quy định tại mục 6 Hợp đồng tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007 ngày 04 tháng 10 năm 2007 thì số tiền phạt của một kỳ trễ hạn là 200.000 đồng. Do ông S không trả lãi đúng hạn nên từ kỳ tháng 12 năm 2007 (bắt đầu từ ngày 06 tháng 12 năm 2007) đến kỳ tháng 3 năm 2008 (ngày 06

tháng 3 năm 2008), ông S phải chịu tiền phạt trễ hạn là 200.000 đồng/kỳ x 03 kỳ = 600.000 đồng.

Vì thế, nguyên đơn yêu cầu ông Đoàn Việt S phải trả ngay tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2024 là 208.165.401 đồng và ông S còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007, tính kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 đến ngày trả hết nợ. Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông Đoàn Việt S thanh toán khoản nợ trên.

Bị đơn là ông Đoàn Việt S được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là bà Trần Hàng Tô N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 31 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn yêu cầu ông Đoàn Việt S trả tiền nợ thiếu tạm tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2024 là 209.361.770 đồng, trong đó nợ gốc là 56.666.000 đồng, lãi trong hạn là 2.124.000 đồng, lãi quá hạn là 149.971.770 đồng, phạt vi phạm (phạt trễ hạn) là 600.000 đồng và tiền lãi, phạt phát sinh theo mức lãi suất theo quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007 kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn là ông Đoàn Việt S vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A, buộc bị đơn là ông Đoàn Việt S thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2024 là 209.361.770 đồng, trong đó nợ gốc là 56.666.000 đồng, lãi trong hạn là 1.124.000 đồng, lãi quá hạn là 149.971.770 đồng, phạt vi phạm (phạt trễ hạn) là 600.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp cho đến khi bị đơn thanh toán xong. Bị đơn chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Việt S thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu phát sinh từ hợp đồng tín dụng trả góp. Ngân hàng đã thực hiện khởi kiện theo địa chỉ của ông S là đường H, Phường A (nay là Phường A), Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, được ghi trong Hợp đồng tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007 ngày 04 tháng 10 năm 2007. Ngày 01 tháng 11 năm 2023, Công an P1, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp thông tin là ông S có đăng ký thường trú tại đường H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà từ năm 2002, không thực tế cư trú tại địa phương. Ông S thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là bà Trần Hàng Tổ N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Đoàn Việt S đã được Tòa án niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, địa điểm tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt, không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt Ngân hàng A) yêu cầu bị đơn là ông Đoàn Việt S trả số tiền nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007 ngày 04 tháng 10 năm 2007.

[3.1] Hợp đồng tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007 ngày 04 tháng 10 năm 2007 được ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh B với ông Đoàn Việt S là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Theo đó, Ngân hàng A đã đồng ý cho ông Đoàn Việt S vay số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) để học tập, tiêu dùng, kinh doanh cá thể, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền đến ngày 04 tháng 10 năm 2010. Trong hợp đồng trên, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn, tiền phạt của một kỳ trễ hạn là 200.000 đồng.

Ngân hàng A đã giải ngân cho ông S số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản tiền gửi số 30675729 của ông S mở tại Ngân hàng A ngay sau khi ký hợp đồng.

[3.2] Theo quy định tại Điều 3 của Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng A (kèm theo Hợp đồng tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007 ngày 04 tháng 10 năm 2007) thì Ngân hàng A có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản vay chưa thanh toán của bên vay trong trường hợp bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm (thế chấp, cầm cố) hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với Ngân hàng A. Ngày 24 tháng 3 năm 2008, Ngân hàng A có thông báo thu hồi nợ trước hạn yêu cầu ông S thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi còn thiếu tính đến thời điểm này là 59.325.508 đồng chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2008. Ngày 03 tháng 4 năm 2008, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc tại thời điểm trên là 55.666.000 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn theo quy định tại Điều 4 của Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng A.

[3.3] Tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2024, ông S còn thiếu Ngân hàng A số tiền là 209.361.770 đồng, trong đó, nợ gốc là 55.666.000 đồng, lãi trong hạn là 2.124.000 đồng, lãi quá hạn là 149.971.770 đồng, phạt vi phạm (phạt trễ hạn) là 600.000 đồng. Trong đó, lãi trong hạn được tính từ ngày 04 tháng 10 năm 2007 đến trước ngày chuyển nợ quá hạn theo mức lãi suất là 0,9%/tháng; lãi quá hạn được tính kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2008 đến nay theo mức lãi suất là 150% lãi suất trong hạn ($150\% \times 0,9\%/tháng = 1,35\%/tháng$); phạt vi phạm của 3 kỳ trễ hạn từ kỳ tháng 12 năm 2007 đến kỳ tháng 03 năm 2008 là $200.000 \text{ đồng/kỳ} \times 3 \text{ kỳ} = 600.000 \text{ đồng}$.

[3.4] Điều 422 của Bộ luật dân sự năm 2005 về thực hiện hợp đồng có thỏa thuận phạt vi phạm, có quy định:

“1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.

2. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận”.

Nhận thấy, trong hợp đồng tín dụng trả góp, các bên có thỏa thuận về số tiền phạt của 1 kỳ trễ hạn là 200.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền phạt vi phạm của 3 kỳ trễ hạn được áp dụng trước thời điểm số nợ vay chuyển sang nợ quá hạn nên đảm bảo nguyên tắc “chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn” được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn là ông Đoàn Việt S về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ kèm theo mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng ông Đoàn Việt S không có ý kiến phản hồi cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc đưa ra không đủ chứng cứ

thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3.6] Do bên vay là ông Đoàn Việt S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trả góp nên bên cho vay là Ngân hàng A yêu cầu ông S trả tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2024 là 209.361.770 đồng, trong đó, nợ gốc là 56.666.000 đồng, lãi trong hạn là 2.124.000 đồng, lãi quá hạn là 149.971.770 đồng, phạt vi phạm là 600.000 đồng, là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 422, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 8, Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.7] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 180; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 422, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A:

1.1 Buộc ông Đoàn Việt S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2024 là 209.361.770 đồng (hai trăm lẻ chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi đồng), trong đó nợ gốc là 56.666.000 đồng, lãi trong hạn là 2.124.000 đồng, lãi quá hạn là 149.971.770 đồng, phạt vi phạm là 600.000 đồng.

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Đoàn Việt S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp số BTH.UIL.02031007 ngày 04 tháng 10 năm 2007 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 10.468.089 đồng (mười triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn không trăm tám mươi chín đồng) do ông Đoàn Việt S chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.936.284 đồng (bốn triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010813 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng Thương mại cổ phần A chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo :

Ngân hàng Thương mại cổ phần A, ông Đoàn Việt S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hà Như Oanh